SỞ Y TẾ TỈNH AN GIANG
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 306 /QĐ-KSBT

*An Giang, ngày 17 tháng 11 năm 2026*

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vắc xin trong tiêm chủng dịch vụ đợt 10 năm 2026

## GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH AN GIANG

*Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 06 năm 2023 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc Hội;*

*Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc Hội;*

*Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựachọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2025 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 541/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thành lập Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh An Giang trực thuộc Sở Y tế;*

*Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-KSBT ngày 08 tháng 1 năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh An Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;*

*Căn cứ Kế hoạch số 50/KH-KSBT ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh An Giang về kế hoạch hoạt động phòng khám đa khoa – chuyên khoa năm 2026;*

*Căn cứ Kế hoạch số 99/KH-KSBT ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh An Giang về Mua sắm, sữa chữa năm 2026;*

*Căn cứ kế hoạch số 2379/KH-KSBT ngày 29 tháng 10 năm 2026 về Mua vắc xin trong tiêm chủng dịch vụ đợt 10 năm 2026;*

*Căn cứ bảng đề nghị mua vắc xin tiêm chủng dịch vụ đợt 10 năm 2026 ngày 29 tháng 10 năm 2026 của Phòng Khám Đa khoa, chuyên khoa;*

*Căn cứ Quyết định số 305/QĐ-KSBT ngày 16 tháng 11 năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh An Giang về việc phê duyệt dự toán gói thầu Mua vắc xin trong tiêm chủng dịch vụ đợt 10 năm 2026;*

*Theo đề nghị của Khoa Dược – vật tư y tế tại Tờ trình ngày 17 tháng 11 năm 2026 về việc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Dự án, dự toán mua sắm:Gói thầu Mua vắc xin trong tiêm chủng dịch vụ đợt 10 năm 2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vắc xin trong tiêm chủng dịch vụ đợt 10 năm 2026

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Khoa Dược - Vật tư y tế và các khoa phòng có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Khoa Dược – vật tư y tế và các khoa phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, D-VTYT(2).

**GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ TỈNH AN GIANG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH AN GIANG

**Trần Thế Vinh**

**Phụ lục 1**

**Gói thầu: Mua vắc xin trong tiêm chủng dịch vụ đợt 10 năm 2026**

*(Kèm theo Quyết định số: 306/QĐ-KSBT, ngày 17 tháng 11 năm 2026 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật)*

| Stt | Tên chủ đầu tư | Tên gói thầu | | Giá gói thầu | Nguồn vốn | Hình thức lựa chọn nhà thầu | Phương thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện gói thầu | Tùy chọn mua thêm | Giám sát hoạt động đấu thầu |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | **Tên gói thầu** | **Tóm tắt công việc chính của gói thầu** | | | | | | | | | | |
| 1 | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh An Giang | Mua vắc xin tiêm chủng dịch vụ đợt 10 năm 2026 | Lựa chọn nhà thầu cung cấp vắc xin phục vụ hoạt động chuyên môn tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh An Giang, gồm 08 mặt hàng | **Tổng cộng:** 1.990.234.400 gồm 08 mặt hàng | Nguồn thu dịch vụ của đơn vị | Chào giá trực tuyến rút gọn | 1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ | 5 ngày | Quý IV năm 2026 | Theo đơn giá cố định | 12 tháng | Không | Hội đồng mua sắm |
| Tổng giá gói thầu: Một tỷ, chín trăm chín mươi triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn bốn trăm đồng./. | | | | | | | | | | | | | |

Đính kèm phụ lục danh mục chi tiết.

# Phụ lục 2

## Gói thầu: Mua vắc xin trong tiêm chủng dịch vụ đợt 10 năm 2026

*(Kèm theo Quyết định số: 306 /QĐ-KSBT, ngày 17 tháng 11 năm 2026 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật)*

| TT | Loại vắc xin | Tên thương mại | Hoạt chất/nồng độ/hàm lượng | Đường dùng | Dạng bào chế | Quy cách đóng gói | Nhóm | Cơ sở sản xuất – Nước sản xuất | ĐVT | Số lượng | Đơn Giá (VNĐ) | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Vắc xin ngừa viêm não typ B | Bexsero | Mỗi liều (0,5 ml) có chứa: - Protein tổng hợp (fusionprotein) NHBA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg.- Protein NadA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein tổng hợp fHbp Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Túi màng ngoài từ Neisseria meningitidis nhóm B chủng NZ98/254 được đo bằng tổng lượng protein có chứa PorA P1.4: 25mcg | Tiêm | Hỗn dịch tiêm | Hộp chứa 01 bơm tiêm đóng sẵn 01 liều và 02 kim tiêm | 1 | GlaxoSmithkline Vaccines S.r.l - Ý | Hộp | 400 | 1.653.755 | 661.502.000 |
| 2 | Vắc xin phòng ngừa cúm | GCFlu Pre-filled Syringe inj | (Type A H1N1 - 15mcg; type A H3N2 - 15mcg; type B - 15mcg)/0,5ml | Tiêm | Hỗn dịch tiêm | Hộp chứa 10 bơm tiêm đóng sẵn x 0.5ml | 1 | GC Biopharma Corp – Hàn Quốc | Liều | 250 | 259.140 | 64.785.000 |

| | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Vắc xin phòng ngừa BH-HG-UV | Adacel | Mỗi liều 0,5ml chứa:;- Giải độc tố uốn ván 5 Lf;;- Giải độc tố bạch hầu 2 Lf;;- Ho gà vô bào: Giải độc tố ho gà (PT) 2,5mcg; Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 5mcg; Pertactin (PRN) 3mcg;;Ngưng kết tố 2 + 3 (FIM) 5mcg | Tiêm | Hỗn dịch tiêm | Hộp 1 lọ x 1 liều; Hộp 5 lọ x 1 liều | 5 | Sanofi Pasteur Limited - Canada | Lọ | 100 | 559.795 | 55.979.500 |
| 4 | Vắc xin phòng bệnh Thủy Đậu | Varivax | Oka/merck varicella virus, live, ttenuated >= 1350PFU/lọ | Tiêm | Bột đông khô kèm lọ dung môi | Hộp 1 lọ bột đơn liều kèm 1 lọ dung môi | 1 | Mỹ (CSĐG thứ cấp và xuất xưởng: Hà Lan; CSSX Dung môi: Mỹ - Mỹ | Lọ | 100 | 915.805 | 91.580.500 |
| 5 | Vắc xin uốn ván hấp phụ (TT) | Vắc xin uốn ván hấp phụ (TT) | Giải độc tố uốn ván >=40 IU/0.5ml | Tiêm | Hỗn dịch tiêm | Hộp 20 ống (0.5ml/ống chứa 1 liều vắc xin) | 4 | Viện vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC) – Việt Nam | Lọ | 3.500 | 16.262 | 56.917.000 |
| 6 | Vắc xin ngừa Ung thư CTC | Gardasil 9 | Mỗi liều 0,5mL chứa 30mcg protein L1 HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein L1 HPV týp 16; 40mcg protein L1 HPV týp 18;20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58 | Tiêm | Dung dịch tiêm | Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn 0,5 mL vắc xin và 2 kim tiêm | 1 | CSSX & ĐG cấp 1: Merck Sharp & Dohme LLC (CSĐG cấp 2 & xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme B.V.- Hà Lan) – Hoa kỳ | Liều | 300 | 2.726.850 | 818.055.000 |

| | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 7 | Vắc xin phòng bệnh (ZoNa) | Shingrix | Mỗi liều 0,5ml sau hoàn nguyên chứa 50mcg kháng nguyên gE tái tổ hợp của vi rút Varicella Zoster (VZV) được bổ trợ AS01B | Tiêm | Bột và hỗn dịch pha hỗn dịch tiêm | Hộp 1 lọ bột đông khô chứa 50mcg kháng nguyên gE tái tổ hợp của vi rút Varicella Zoster và 1 lọ chứa 0,5ml hỗn dịch chất bổ trợ AS01B | 1 | CSSX kháng nguyên gE, SX và đóng gói cấp 1 chất bổ trợ AS01B: GlaxoSmithKline Biologicals SA; CS đóng gói cấp 1 kháng nguyên gE: GlaxoSmithKline Biologicals; CS đóng gói cấp 2: GlaxoSmithKline Vaccines S.r.l; CSXX: GlaxoSmithKline Biologicals SA – Bỉ | Hộp | 40 | 3.395.385 | 135.815.400 |
| 8 | Vắc xin phòng ngừa cúm | Influvac | Vắc xin phòng cúm mùa (tam giá) 0.5ml/liều, chứa 03 chủng cúm | Tiêm | Hỗn dịch tiêm | Hộp 1 xylanh chứa 0.5 ml hỗn dịch | 1 | Abbott Binlogicals B.V – Hà Lan | Bơm tiêm | 400 | 264.000 | 105.600.000 |
| **Tổng cộng: Một tỷ, chín trăm chín mươi triệu, hai trăm ba mươi bốn ngàn, bốn trăm đồng.** | | | | | | | | | | | | **1.990.234.400** |